HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/NQ-HĐND	*Bắc Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Mức chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử

1. Thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử: Thời gian theo thực tế phục vụ công tác bầu cử; Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp tối đa không quá 05 tháng; Ban bầu cử các cấp tối đa không quá 04 tháng; Tổ bầu cử tối đa không quá 02 tháng. Riêng thời gian hỗ trợ đối với Tổ chuyên viên giúp việc tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian hỗ trợ đối tượng trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Không quá 15 ngày.

b) Cấp huyện: Không quá 05 ngày.

c) Cấp xã: Không quá 05 ngày.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền), thời gian được hưởng tối đa:

a) Cấp tỉnh: không quá 05 tháng.

b) Cấp huyện: không quá 04 tháng.

c) Cấp xã (chỉ thực hiện hỗ trợ cho Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng ban và Phó ban bầu cử): không quá 02 tháng

Điều 4. Kinh phí và trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bầu cử

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách các cấp đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách của từng cấp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy

động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

5. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ có mức khoán bồi dưỡng khác nhau chỉ được hưởng một mức khoán bồi dưỡng cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Nghị quyết, Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

6. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành. Kết thúc bầu cử, trong vòng 30 ngày, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Đối với khối lượng công việc các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 4 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái

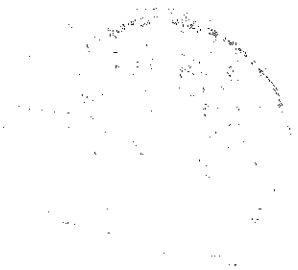

PHỤ LỤC
MỨC CHI PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng; chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 27 /2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a)	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp:	Đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000
b)	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.		

-	Trưởng đoàn giám sát:	Đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người /buổi			
+	Phục vụ trực tiếp	Đồng/người /buổi	80.000	60.000	50.000
+	Phục vụ gián tiếp	Đồng/người /buổi	50.000	50.000	50.000
3	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử				
a)	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử:		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
b)	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), gồm: Kế hoạch; Chỉ thị; Nghị quyết; văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo sơ kết, tổng kết				
-	Xây dựng văn bản	Đồng/văn bản	2.000.000	1.400.000	900.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:		Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/ người/lần	Mức chi 100.000		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/ người/lần	Mức chi 300.000		
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:				
-	Trưởng Ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Đồng/người / tháng	2.200.000	1.500.000	1.100.000

-	Các thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người / tháng	2.000.000	1.400.000	1.000.000
-	Thành viên các tiểu ban, các ban bầu cử còn lại	Đồng/người / tháng	1.800.000	1.300.000	900.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc				
+	Tổ trưởng	Đồng/người / tháng	700.000	500.000	
+	Tổ phó	Đồng/người / tháng	600.000	400.000	
+	Chuyên viên giúp việc còn lại	Đồng/người / tháng	500.000	300.000	
b)	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.	Đồng/người /ngày	100.000	70.000	50.000
c)	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người /ngày	150.000	100.000	100.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Trưởng ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Đồng/người /tháng	500.000	350.000	250.000
b)	Các thành viên Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người / tháng	300.000	200.000	150.000
c)	Thành viên các tiểu ban; các ban bầu cử còn lại; tổ chuyên viên giúp việc	Đồng/người / tháng	200.000	150.000	100.000
6	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/người /buổi	80.000	60.000	50.000
7	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử				

a)	Chi khắc dấu		Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu
b)	Chi đóng hòm phiếu		Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
c)	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử		Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.
8	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành cổng thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử tỉnh.		Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.
9	Chi công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử; Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy nơi bầu cử, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu

10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
12	Các nội dung chi liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid -19		Thực hiện theo các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid - 19